

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 02/2018/HS-ST

Ngày 26/01/2018.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V – THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* ông Hoàng Kim Tuấn.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà Nguyễn Thị Hạnh.

2- Bà Dương Thị Hạnh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thuỳ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V – Thái Nguyên tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở UBND xã CD huyện V, tỉnh Thái Nguyên mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/HSST-QĐ đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn BC** (Tên gọi khác: không) - Sinh ngày 28/10/1969.

Nơi sinh: TS, V, Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT: TS, TS, V, Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: TS, TS, V, Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa: 08/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng

Họ tên bố: Trần Văn T1 – Đã chết;

Họ tên mẹ: Trần Thị T2 – Sinh năm 1938.

Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 03.

Vợ Đồng Thị B – Sinh năm 1971.

Con: Có 02 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996).

Tiền án: 01. Tại Bản án số 35/2013/HS-ST ngày 30/9/2013 bị TAND huyện V xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và xử phạt 18 tháng về tội Tàng trữ trái phép vật liệu nổ, tổng hợp hình phạt BC là 48 tháng tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng. Ngày 11/4/2017 bị cáo đã chấp hành xong.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/9/2017 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt)*

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Đồng Thị B – Sinh năm 1971.

Địa chỉ: TS, TS, V, Thái Nguyên. *(Có mặt)*.

**Người làm chứng:*

1- Anh LC1– Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm NM, VC, V, Thái Nguyên. *(Vắng mặt)*.

2- Anh LC2– Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Xóm NM, VC, V, Thái Nguyên. *(Vắng mặt)*.

3- Ông LC3– Sinh năm 1965.

Địa chỉ: Xóm TL, NT, V, Thái Nguyên.

(Vắng mặt).

4- Anh LC4– Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Xóm NM, VC, V, Thái Nguyên. *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của LC3– Sinh năm 1964; Trú tại: Xóm TL, xã NT, V bị phát hiện bắt giữ cùng vật chứng ngày 18/9/2017. Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của LC3, LC3 đã khai nhận khoảng 11 giờ cùng ngày, An cùng LC4– Sinh năm 1971, LC1– Sinh năm 1977 – Cùng trú tại xóm NM, xã VC, V, Thái Nguyên đi xe mô tô BKS 20F1 – 178.97 của LC3 đến nhà Trần Văn BC – Trú tại: TS, TS, V mua Heroin thì gặp một người phụ nữ khoảng 50 tuổi ở nhà BC, LC3 đưa cho LC1 100.000 đồng để mua ma túy, LC1 đã mua 200.000 đồng trong đó có 100.000 đồng của LC3, mua 02 gói của người phụ nữ, LC4 cũng mua 01 gói giá 50.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, LC3 sử dụng ngay một nửa, còn lại cất giữ vào đầu bên trái xe mô tô của mình và bị Công an bắt giữ, còn LC1 cũng đã tự sử dụng hết số ma túy mua được.

Ngày 19/9/2017 CQĐT Công an huyện V đã tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, địa điểm đối với Trần Văn BC, sinh năm 1969, trú tại xóm TS, TS, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi khám xét BC đã chủ động lấy gói ma túy được gói bằng túi nilon màu trắng để trong chiếc rổ nhựa màu xanh đặt cạnh khu vực buồng ngủ ném qua cửa sổ nhà sàn nhằm tránh bị phát hiện xử lý, nhưng bị phát

hiện thu giữ. Tiến hành khám xét nhà ở của BC phát hiện thu giữ gồm 2.100.000 đồng trong túi quần sooc bên trái và 390.000 đồng trong túi quần sooc bên trái treo trên cột nhà cạnh buồng ngủ, thu giữ 01 cân tiểu ly có ghi chữ “Đồng Thị B” trên vỏ hộp, BC tự giao nộp 3.500.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 2690 màu trắng, viên đèn để phục vụ điều tra.

Tại bản Kết luận giám định số 1016/KL-PC54 ngày 21/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Chất bột màu trắng trong mẫu G1 thu giữ của LC3 là chất ma túy, loại Hêrôin, có trọng lượng (khối lượng) là 0,061g; chất bột màu trắng trong mẫu C1 thu giữ của Trần Văn BC là chất ma túy, loại Hêrôin, có trọng lượng (khối lượng) là 0,248g.

Quá trình điều tra Trần Văn BC khai nhận: Do nghiện ma túy nên khoảng 16 giờ ngày 18/9/2017 BC mua của một người đàn ông tên Toàn ở Phố H, TL, DH một gói ma túy Heeroin với giá 250.000 đồng để sử dụng, nếu ai hỏi thì bán kiếm lời. BC đã 02 lần bán trái phép ma túy Hêrôin, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 18/9/2017, BC đã cho LC2 – Sinh năm 1975, trú tại xóm NĐ, VC, V, Thái Nguyên 01 gói Hêrôin với giá 100.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ ngày 19/9/2017 bán cho LC1 – Sinh năm 1977, trú tại xóm NM, xã VC 01 gói Hêrôin với giá 100.000 đồng.

Số tiền 2.490.000 đồng thu giữ của bị cáo có 200.000 đồng bán ma túy cho LC1 và LC2.

Trong quá trình điều tra, LC1 và LC2 đã khai nhận phù hợp với lời khai của Trần Văn BC về số lần BC đã bán ma túy Hêrôin cho LC1 và LC2.

Đối với chiếc cân tiêu ly thu giữ xác định là của bà Trần Thị T2 (Mẹ của BC), số tiền 3.500.000 đồng là tiền của Trần Thị ST (con gái của BC) nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Cáo trạng số 03/KSĐT - TA ngày 03/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Trần Văn BC về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa Trần Văn BC khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Kết thúc thẩm vấn Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn BC về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Sau khi đánh giá chứng cứ đã đề nghị áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g Điều 48; Điều 33; điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999. Tương ứng là điểm s Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 đến 09 năm tù giam. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 21/09/2017.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 194 BLHS năm 1999 tương ứng khoản 5 Điều 251 BLHS năm 2015, phạt tiền bị cáo từ 5 đến 6 triệu đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999; Điều 76 BLTTHS.

*Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu C1, bên trong chứa 0,20 gam Heroin mẫu còn lại sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu G1, bên trong chứa 0,024gam Heroin mẫu còn lại sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu H1, bên trong chứa: một mảnh giấy màu trắng, một xi lanh đã qua sử dụng có dính máu, một vỏ phong bì niêm phong ký hiệu A1; 01 phong bì niêm phong ký hiệu D1 bên trong chứa: 01 túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì ký hiệu A1; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T5 bên trong chứa: 01 vỏ túi nilon màu trắng của kim tiêm bên trong chứa một kim tiêm màu trắng đã qua sử dụng, 01 vỏ thủy tinh lọ nước cất;

*Trả cho bị cáo: - 01 (một) chứng minh nhân dân số 090598500 mang tên Trần Văn BC – Sinh ngày 28/10/1969 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/11/2002;

*Kê biên: 01 (một) điện thoại Nokia, màu trắng viền đen đã qua sử dụng, có số IMEI 355392/94/402656/7, trong điện thoại có một thẻ nhớ và một thẻ sim và số tiền 2.290.000 đồng.

*Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng do BC bán ma túy mà có.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội phạm: Khoảng 18 giờ ngày 18/9/2017 và khoảng 8 giờ ngày 19/9/2017 tại xóm TS, xã TS, V, Thái Nguyên, Trần Văn BC đã thực hiện 02 lần bán trái phép ma túy Hêrôn cho LC1 và LC2 đều với giá 100.000 đồng.

Hành vi bán ma túy trái phép của Trần Văn BC phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 194 BLHS năm 1999 quy định: “1. Người nào...*mua bán trái phép... chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

...

b, Phạm tội nhiều lần.

... ”.

Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Trần Văn BC theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án thấy: Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi với lỗi cố ý, thực hiện nhiều lần, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về nhân thân: bị cáo sinh ra và được gia đình nuôi dưỡng từ nhỏ, học hết lớp 8 rồi nghỉ học, bản thân đang có tiền án, ngày 30/9/2013 bị TAND huyện V xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và xử phạt 18 tháng về tội Tàng trữ trái phép vật liệu nổ, tổng hợp hình phạt BC là 48 tháng tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng, ngày 11/4/2017 bị cáo đã chấp hành xong. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố để được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 và phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm.

Căn cứ vào tính chất của vụ án cũng như các yếu tố về nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi và tội phạm bị cáo phạm phải là rất nghiêm trọng, bị cáo đã có thời gian cải tạo, giáo dục một thời gian trong môi trường cách ly, nhưng không sửa chữa. Do vậy, cần lên mức án cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đảm bảo việc cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo nghiện ma túy, là người dân tộc thiểu số sống ở xã đặc biệt khó khăn nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng:

Xét một số vật chứng là vật cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu C1, bên trong chứa 0,20 gam Heroin mẫu còn lại sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu G1, bên trong chứa 0,024gam Heroin mẫu còn lại sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu H1, bên trong chứa: một mảnh giấy màu trắng, một xi lanh đã qua sử dụng có dính máu, một vỏ phong bì niêm phong ký hiệu A1; 01 phong bì niêm phong ký hiệu D1 bên trong chứa: 01 túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì ký hiệu A1; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T5 bên trong chứa: 01 vỏ túi nilon màu trắng của kim tiêm bên trong chứa một kim tiêm màu trắng đã qua sử dụng, 01 vỏ thủy tinh lọ nước cất;

*Đối với 01 (một) chứng minh nhân dân số 090598500 mang tên Trần Văn BC – Sinh ngày 28/10/1969 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/11/2002;

*Đối với 01 (một) điện thoại Nokia, màu trắng viền đen đã qua sử dụng, có số IMEL 355392/94/402656/7, trong điện thoại có một thẻ nhớ và một thẻ sim và số tiền 2.290.000 đồng là tài sản của bị cáo cần kê biên để đảm bảo thi hành án.

* Số tiền 200.000 đồng do BC bán ma túy mà có cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[5] Đối với chiếc cân tiêu ly thu giữ xác định là của bà Trần Thị T2 (Mẹ của BC), số tiền 3.500.000 đồng là tiền của Trần Thị ST (con gái của BC) nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với LC3 có hành vi tàng trữ trái phép 0,061gam Hêroin bị phát hiện ngày 18/9/2017 chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên CQĐT đã chuyển tài liệu hồ sơ đến Công an xã NT xử lý theo thẩm quyền.

Đối với người đàn ông tên Toàn theo BC khai đã bán ma túy cho BC, nhưng BC không rõ địa chỉ và người phụ nữ bán ma túy cho LC3, LC1 và LC4 ngày

18/9/2017 tại nhà Trần Văn BC nhưng khi mua LC3, LC1 không nhìn rõ mặt, không nhận dạng được nên không có cơ sở để xử lý.

[6]Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của VKSND huyện V tại phiên toà hôm nay là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn BC** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1.Về hình phạt.

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 điều 194; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn BC **08 (Tám)** năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/9/2017.

2.Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999; Điều 106 BLTTHS.

2.1.Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu C1, bên trong chứa 0,20 gam Heroin mẫu còn lại sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu G1, bên trong chứa 0,024gam Heroin mẫu còn lại sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu H1, bên trong chứa: một mảnh giấy màu trắng, một xi lanh đã qua sử dụng có dính máu, một vỏ phong bì niêm phong ký hiệu A1; 01 phong bì niêm phong ký hiệu D1 bên trong chứa: 01 túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì ký hiệu A1; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T5 bên trong chứa: 01 vỏ túi nilon màu trắng của kim tiêm bên trong chứa một kim tiêm màu trắng đã qua sử dụng, 01 vỏ thủy tinh lọ nước cất;

2.2.Trả cho bị cáo: 01 (một) chứng minh nhân dân số 090598500 mang tên Trần Văn BC – Sinh ngày 28/10/1969 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/11/2002.

2.3.Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng do BC bán ma túy mà có.

2.4.Kê biên: 01 (một) điện thoại Nokia, màu trắng viền đen đã qua sử dụng, có số IMEL 355392/94/402656/7, trong điện thoại có một thẻ nhớ và một thẻ sim và số tiền 2.290.000 đồng.

Về tình trạng vật chứng: Vật chứng nêu trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện V theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/01/2018 và giấy ủy nhiệm chi số 02 ngày 11/01/2018 giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

3. Về án phí: Áp dụng điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn BC phải chịu **200.000đ** (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND huyện;
- Công an;
- Bị cáo;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Kim Tuấn